TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023 *v/v "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà
Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Đắc Quốc Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐHPT - HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần D**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố 08, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

Bị đơn: Bà **Thái H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố 08, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần D trình bày: Ông và bà Thái H tự nguyên sống chung với nhau năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 275, ngày 28/9/2022. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân do bà Thái H ngoại tình với chồng cũ, ông có khuyên can nhưng bà Thái H không nghe, ngoài ra bà Thái H còn thường xuyên xúc phạm danh dự của ông và sống không

có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp tài chính để lo cho gia đình. Trước đây ông đã làm đơn ly hôn bà Thái H tại Toà án một lần vào tháng 3 năm 2023, sau đó bà Thái H có lên Toà năn nỉ xin được trở về đoàn tụ nên ông có rút lại đơn khởi kiện để cho bà Thái H cơ hội thay đổi. Tuy nhiên khi trở về sống chung thì vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, bà Thái H vẫn tánh nào tật nấy, sống theo ý thích của mình mà không quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, níu kéo cũng không có hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông tôi được ly hôn với bà Thái H chứ ông không đồng ý trở về đoàn tụ.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản và nợ chung: ông Trần D trình bày, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Thái H: theo biên bản xác minh tại Ban cán sự khu phố 08, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì bà Thái H có chỗ ở hiện nay tại khu phố 08, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Thái H tại nơi cư trú nhưng bà Thái H từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án, điều đó chứng tỏ bà Thái H không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Thái H không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa ông Mỹ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần D. Ông Trần D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thái H, do đó đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Thái H có nơi cư trú tại khu phố 08, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bà Thái H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bà Thái H theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ông Trần D và bà Thái H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 275, ngày 28/9/2022 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Ông Trần D trình bày, bà Thái H vẫn còn qua lại với người chồng cũ ông có khuyên can nhưng bà Thái H không nghe, trong cuộc sống bà Thái H thường xuyên xúc phạm danh dự của ông, ngoài ra bà Thái H sống không có trách nhiệm với gia đình, bà Thái H làm có tiền nhưng không phụ giúp để lo cho gia đình, vợ chồng đã đoàn tụ một lần theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, số: 14/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Phong nhưng khi về sống chung, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, nay ông Trần D tiếp tục nộp đơn ly hôn bà Thái H tại Toà án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bà Thái H luôn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án, điều này chứng tỏ bà Thái H không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với ông Trần D.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Trần D và bà Thái H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần D.

[3] Về con chung: Ông, bà không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì ông Trần D là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần D đối với bà Thái H. Ông Trần D được ly hôn với bà Thái H.

3/Về án phí: Ông Trần D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông Trần D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0017088 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông Trần D đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND (tỉnh+huyện);*
- *Tòa án tỉnh*;
- *Các đương sự*;
- *THA huyện*;
- *UBND L;*
- *Lưu HS.*

Lâm Thị Mỹ Kỷ